

Cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị kiểm kê: Phường Hà Huy Tập
Tên đơn vị kiểm kê: Phòng Kinh tế Hạ tầng và đô thị phường Hà Huy Tập
Mã đơn vị kiểm kê: T27003004
Loại hình đơn vị: Cơ quan nhà nước

Mẫu số 10-BB/HTTMC

BIÊN BẢN KIỂM KÊ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI LÀ CHỖ DO NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ, QUẢN LÝ
(Thời điểm chốt số liệu kiểm kê: 0h ngày 01/01/2026)

Hôm nay, ngày 07 tháng 05 năm 2026
Tổ kiểm kê gồm:

1. Ông/Bà: Nguyễn Văn Ninh. Chức vụ: - Tổ trưởng

Đã tiến hành kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do Phòng Kinh tế Hạ tầng và đô thị phường Hà Huy Tập quản lý/tạm quản lý, kết quả như sau:

STT	Danh mục tài sản	Mã đơn vị quản lý tài sản tại 01/01/2025	Địa bàn tài sản (Đổi với TSCĐ là đất và TSKCHT)		Mã số tài sản	Năm đưa vào sử dụng	Chỉ tiêu về số lượng					Chỉ tiêu về hiện vật					Chỉ tiêu về giá trị				Tình hình hạch toán	Tình trạng của tài sản				Ảnh hưởng bởi thiên tai (bão, lũ) từ 2023 đến hết 2025 (chỉ tính với nhà, công trình xây dựng)	Số lần xảy ra (nếu có)
			Tỉnh/ Thành phố	Xã/ Phường			Đơn vị tính	Theo sổ kế toán	Theo thực tế kiểm kê	Chênh lệch (10) - (9)	Đơn vị tính	Theo sổ kế toán	Theo thực tế kiểm kê	Chênh lệch (14) - (13)	Nguyên giá (đồng)	GTCL (đồng)	Giá trị đầu tư nâng cấp, mở rộng, cải tạo (đồng)	Đã ghi sổ kế toán	Chưa ghi sổ kế toán	Còn sử dụng -SD đúng mục đích		Còn sử dụng -SD không đúng mục đích	Còn sử dụng -SD đúng-SD không đúng	Hàng, không sử dụng được	Có		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11) = (10) - (9)	(12)	(13)	(14)	(15) = (14) - (13)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	
I	Đất				1001		Khuôn viên	3	3		m2	7.637,6	7.637,6		51.192.213.800	51.192.213.800		3		3					3		
	Đất cho thuê tại Cầu Phố		Tỉnh Hà Tĩnh	Phường Hà Huy Tập		2024	Khuôn viên	1	1		m2	1.938	1.938		18.628.969.000	18.628.969.000		1		1					1		
	Đất khuôn viên chợ		Tỉnh Hà Tĩnh	Phường Hà Huy Tập		2003	Khuôn viên	1	1		m2	3.150	3.150		25.200.000.000	25.200.000.000		1		1					1		
	Đất chợ mới Tân Lâm Hương		Tỉnh Hà Tĩnh	Phường Hà Huy Tập		2000	Khuôn viên	1	1		m2	2.549,6	2.549,6		7.363.244.800	7.363.244.800		1		1					1		
II	Công trình chính				1002		-				-				6.847.959.000	2.722.126.468		7		7					7		
I	Nhà				100201		Cải	4	4		m2	1.913	1.913		4.648.516.000	1.650.460.468		4		4					4		
	Chợ cầu phủ (đình, ki ốt)		Tỉnh Hà Tĩnh	Phường Hà Huy Tập		2016	Cải	1	1		m2	381	381		2.819.437.000	1.126.928.968		1		1					1		
	Chợ trò xã Thạch Đài (đình chính, nhà bao vệ, nhà vệ sinh)		Tỉnh Hà Tĩnh	Phường Hà Huy Tập		2018	Cải	1	1		m2	650	650		1.047.063.000	523.531.500		1		1					1		
	Ki ốt Chợ Mới		Tỉnh Hà Tĩnh	Phường Hà Huy Tập		2014	Cải	1	1		m2	525	525		463.937.000			1		1					1		
	Đình, ki ốt Chợ Mới		Tỉnh Hà Tĩnh	Phường Hà Huy Tập		2006	Cải	1	1		m2	357	357		318.079.000			1		1					1		



[illegible]

Hướng dẫn lập Mẫu số 10-BB/HTTM

(*) Tên đơn vị kiểm kê là cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp đang quản lý/tạm quản lý tài sản kết cấu hạ tầng chợ.

(***) Chỉ tiêu về đất: Cỡ quan nhà nước/Đơn vị sự nghiệp công lập/Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ/Doanh nghiệp có vốn nhà nước/Đối tượng khác.

(***) Chi tiêu về đất:

- Diện tích đất được xác định theo bản đồ đặc của tổ chức có chức năng (trong trường hợp đơn vị thực thi chức có chức năng thực hiện do đặc lại). Trường hợp đơn vị không thuộc tổ chức có chức năng do đặc lại thì xác định theo hồ sơ có tại thời điểm kiểm kê như: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Bản đồ hiện trạng và trị, Quyết định giao/cho thuê đất, Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt quyết toán, Biên bản nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng.... Trường hợp không có bản đồ đặc của tổ chức có chức năng, không có hồ sơ xác định diện tích thì đơn vị tự thực hiện đo đạc để phục vụ kiểm kê và chịu trách nhiệm về số liệu.

• Giá trị quốc xác định theo giá trị sử dụng vào mục đích thương mại dịch vụ theo bảng giá đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành áp dụng cho năm 2023.



- Giá trị quyền sử dụng đất được xác định bằng diện tích đất nhân (x) với giá đất (x) hệ số điều chỉnh giá đất thương mại dịch vụ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành áp dụng cho năm 2023.

(****) Trường hợp hệ thống tại Mục II, Mục IV được hạch toán chung với công trình chính tại Mục II thì gộp chung các hệ thống này để kiểm kê vào công trình chính tại Mục II, không tách riêng để kiểm kê.

Cột (2) Danh mục tài sản: Trường hợp một hệ thống gồm nhiều tài sản riêng lẻ và các tài sản riêng lẻ đó được hạch toán riêng nhưng danh mục theo Biểu mẫu yêu cầu báo cáo theo hệ thống thì đơn vị kiểm kê thực hiện kiểm kê chi tiết theo từng tài sản và khi tổng hợp vào Biên bản kiểm kê, báo cáo kiểm kê thì đơn vị kiểm kê thực hiện gộp chung để báo cáo thành hệ thống. Trường hợp có phát sinh chênh lệch (thừa/thiếu) đối với tài sản riêng lẻ thì đơn vị kiểm kê xử lý thừa/thiếu theo quy định của pháp luật. Trường hợp một hệ thống được giao cho nhiều cơ quan quản lý thì đối tượng ghi sổ kế toán là phần tài sản được giao cho từng cơ quan.

Cột (3): Thực hiện theo hướng dẫn tại điểm 6 (a) mục III Công văn hướng dẫn.

Cột (4): Mã số của từng nhóm tài sản được xác định theo Mẫu. Mã số của từng tài sản do Phần mềm tổng hợp kết quả kiểm kê tài sản tự động tạo mã.

Cột (5): Ghi năm tài sản được bắt đầu đưa vào sử dụng. Trường hợp không có căn cứ để xác định thời điểm đưa tài sản vào sử dụng thì ghi "N/A". Trường hợp tài sản được tiếp nhận do được giao/điều chuyển thì năm đưa vào sử dụng không phải là năm đơn vị tiếp nhận tài sản mà là năm tài sản bắt đầu đưa vào sử dụng lần đầu tiên.

Cột (12): Xác định theo bản đồ đặc của tổ chức có chức năng (trong trường hợp đơn vị thuê tổ chức có chức năng thực hiện đo đạc lại). Trường hợp đơn vị không thuê tổ chức có chức năng đo đạc lại thì xác định theo hồ sơ có tại thời điểm kiểm kê như: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Bản đồ hiện trạng vị trí, Quyết định giao/cho thuê đất, Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt quyết toán, Biên bản nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng.... Trường hợp không có bản đồ đặc của tổ chức có chức năng, không có hồ sơ xác định diện tích thì đơn vị tự thực hiện đo đạc để phục vụ kiểm kê và chịu trách nhiệm về số liệu.

"Tổng diện tích sản xây dựng" là tổng diện tích của tất cả các tầng của nhà

Cột (14), (15): Xác định theo hướng dẫn tại điểm 1, điểm 2.8 và điểm 3 Mục III Công văn hướng dẫn.

Cột (16): Đơn vị chỉ kê số liệu vào cột này trong trường hợp không có căn cứ để xác định nguyên giá, GTCL của tài sản (Nguyên giá, GTCL được xác định giá trị là 1 đồng) và từ ngày 01/01/2018 đến nay có đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng theo Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc xác định giá trị đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng được thực hiện theo hướng dẫn tại điểm 3 Mục III Công văn hướng dẫn

Cột (17), (18): Trường hợp tài sản đã được ghi sổ kế toán thì điền số "1" vào cột (17); Trường hợp tài sản chưa được ghi sổ kế toán thì điền số "1" vào cột (18) (Lưu ý: Chỉ điền một trong hai cột đối với 01 tài sản).

Cột (19), (20), (21), (22): Điền số "1" vào ô tương ứng với tình trạng của tài sản (Đối với 1 tài sản chỉ điền 1 trong 4 ô).

Cột (23), (24), (25): Thực hiện theo hướng dẫn tại điểm 6 (b) mục III Công văn hướng dẫn.